

Số: 1446 /2024/CBTT-TVSI

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC, SGĐCK VIỆT NAM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

- **Tên công ty chứng khoán:** CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
- **Mã chứng khoán (nếu có):** (Không)
- **Địa chỉ trụ sở chính:** Tầng 17 tòa tháp VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- **Điện thoại:** 024 3728 0921 **Fax:** 024 3728 0920 **Email:** contact@tvs.com.vn
- **Người thực hiện công bố thông tin:** Nguyễn Bích Vân
- **Fax:** 024 3728 0920
- **Loại thông tin công bố:**  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ
- **Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo tài chính bán niên 2024 đã soát xét ; Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2024 trước và sau khi kiểm toán; Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 và Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ Thông tin chi tiết đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/8/2024 tại đường dẫn: <https://www.tvs.com.vn/financial-report.html>  
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.  
Trân trọng.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính bán niên 2024 đã soát xét
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2024 trước và sau khi kiểm toán
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023
- Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT



**GIÁM ĐỐC NHÂN SỰ**  
*Nguyễn Bích Vân*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 13
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	14
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	15 - 41

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**

Tầng 17 tòa nhà VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 kèm theo và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Trần Thị Cẩm Hạnh	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	Thành viên
Bà Tạ Thị Mai Hương	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Trần Thị Cẩm Hạnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/02/2024
Ông Nguyễn Việt Cường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/02/2024
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/02/2024

**Ban Kiểm soát**

Bà Đặng Thị Minh Hạnh	Trưởng ban
Bà Đỗ Ngọc Hoàng Yến	Thành viên
Ông Trần Duy Hưng	Thành viên

**Kế toán trưởng**

Bà Phí Thị Bích Ngọc

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Bà Trần Thị Cẩm Hạnh – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng: ngoài thông tin trình bày tại Thuyết minh số 45 Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30/06/2024 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 kèm theo.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này và được Hội đồng quản trị phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Trần Thị Cẩm Hạnh**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Số: 797 /2024/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**  
**cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12/08/2024, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Tại ngày 30/06/2024, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho việc vi phạm hợp đồng mua lại Trái phiếu đến hạn nhưng không thực hiện được khoảng 711 tỷ đồng (số đã trích lập tại 01/01/2024 khoảng 642,5 tỷ đồng) giá trị tối đa nghĩa vụ hợp đồng vi phạm là khoảng 902,8 tỷ trên tổng giá trị các hợp đồng mua lại là hơn 11.285 tỷ đồng vì cho rằng: Việc vi phạm của Công ty là do bất khả kháng đã được quy định trong hợp đồng nên trong quá trình giải quyết tranh chấp Công ty có thể thương lượng để không bị phạt vi phạm ở mức tối đa và Công ty chỉ bồi thường khi có phán quyết của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không đánh giá được mức phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại tiềm tàng thực tế (nếu có) của Công ty cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024.



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ tại Việt Nam.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 41 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Trong quá trình kinh doanh, Công ty có thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (“Trái phiếu”) từ các tổ chức phát hành và các nhà đầu tư sau đó mua đi bán lại nhiều lần với các nhà đầu tư. Đồng thời, Công ty đã ký hợp đồng mua lại một số Trái phiếu đã bán cho các nhà đầu tư theo một mức giá xác định vào một ngày xác định trong tương lai. Tổng mệnh giá các Trái phiếu Công ty đã ký Hợp đồng mua lại đến ngày 30/06/2024 là trên 11.285 tỷ đồng (tại 01/01/2024 là khoảng trên 16.491 tỷ đồng) (trong đó số đã đến hạn thanh toán tại ngày 30/06/2024 mà chưa thanh toán được khoảng hơn 11.285 tỷ đồng, số đã đến hạn thanh toán tại ngày 01/01/2024 là 16.062 tỷ đồng). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, tổng mệnh giá trái phiếu Công ty đã ký hợp đồng mua lại còn khoảng 11.033 tỷ đồng (trong đó số đã đến hạn thanh toán mà chưa thanh toán được khoảng 11.033 tỷ đồng). Tuy nhiên, hiện nay Công ty không thực hiện được việc thanh toán cho Bên chuyển nhượng và gửi thông báo đến các nhà đầu tư là sẽ không thực hiện giao dịch này, đồng thời đang thực hiện đàm phán lại với các nhà đầu tư về việc hủy hợp đồng mua lại hoặc gia hạn thời gian mua lại Trái phiếu tương ứng với thời gian đáo hạn Trái phiếu của Tổ chức phát hành nhưng việc đàm phán này chưa có kết quả cụ thể. Công ty không ghi nhận các khoản trái phiếu nêu trên vào báo cáo tài chính này. Do đó, các nhà đầu tư vẫn đang thực hiện các quyền sở hữu và định đoạt của trái chủ đối với số trái phiếu này.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 05 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Từ năm 2022, số dư tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng; và số dư chứng chi tiền gửi của Công ty tại SCB không giao dịch được. Tại ngày 30/06/2024: số dư tiền gửi của Công ty tại SCB không giao dịch được là khoảng 1.625 tỷ đồng bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán khoảng 889 tỷ đồng và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng khoảng 736 tỷ đồng; số dư chứng chi tiền gửi không giao dịch được của Công ty tại SCB là khoảng 29 tỷ đồng. Công ty đã gửi các Công văn đến các Cơ quan chức năng liên quan đề nghị phê duyệt các lệnh chuyển tiền từ các tài khoản của Công ty mở tại SCB sang các tài khoản khác để giao dịch chứng khoán. Tuy nhiên, Công ty chưa nhận được phản hồi từ phía các cơ quan chức năng.



**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

GCN ĐKHN kiểm toán số: 0798-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024*

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.047.472.317.259</b>	<b>3.972.551.282.518</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>	<b>110</b>		<b>4.038.791.088.378</b>	<b>3.967.328.724.460</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	1.958.693.992.616	1.940.920.298.451
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>1.958.693.992.616</i>	<i>1.940.920.298.451</i>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	1.783.641.204.199	1.829.091.767.926
Các khoản cho vay	114	8	313.073.699.456	214.395.265.269
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		(18.078.532.868)	(19.268.756.008)
Các khoản phải thu	117	9	53.280.000	58.221.000
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>117.2</i>		<i>53.280.000</i>	<i>58.221.000</i>
Trả trước cho người bán	118	9	1.831.523.941	1.893.854.830
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	9	3.343.560.906	3.398.137.990
Các khoản phải thu khác	122	9	31.667.737.398	31.345.312.272
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	10	(35.435.377.270)	(34.505.377.270)
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>130</b>		<b>8.681.228.881</b>	<b>5.222.558.058</b>
Tạm ứng	131		296.462.014	292.356.714
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		1.001.023.998	1.002.468.258
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11	7.383.742.869	3.927.733.086
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>45.275.817.059</b>	<b>54.910.702.266</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.563.917.164</b>	<b>20.554.782.578</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	16	8.994.549.321	15.206.059.483
- Nguyên giá	222		54.205.627.091	54.618.506.581
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(45.211.077.770)	(39.412.447.098)
Tài sản cố định vô hình	227	12	3.569.367.843	5.348.723.095
- Nguyên giá	228		27.998.146.912	27.998.146.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(24.428.779.069)	(22.649.423.817)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>32.711.899.895</b>	<b>34.355.919.688</b>
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		2.254.096.300	2.232.349.555
Chi phí trả trước dài hạn	252	11	361.140.827	140.350.790
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		-	-
Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	13	20.000.000.000	21.896.677.186
Tài sản dài hạn khác	255	14	10.096.662.768	10.086.542.157
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.092.748.134.318</b>	<b>4.027.461.984.784</b>



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>829.775.125.749</b>	<b>742.371.998.114</b>
<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>818.338.659.284</b>	<b>738.451.621.047</b>
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	17	33.555.626.790	34.300.837.466
Phải trả người bán ngắn hạn	320	15	197.933.768	260.602.170
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		1.632.000.000	1.549.500.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	17.501.758.350	5.766.716.348
Phải trả người lao động	323		4.666.549.563	10.602.252.407
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		732.478.461	108.522.347
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	19	14.740.243.138	16.232.317.495
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	20	725.415.070.595	649.733.874.195
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		19.896.998.619	19.896.998.619
<b>Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>11.436.466.465</b>	<b>3.920.377.067</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	21	11.436.466.465	3.920.377.067
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.262.973.008.569</b>	<b>3.285.089.986.670</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>3.262.973.008.569</b>	<b>3.285.089.986.670</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		25.576.883.457	25.576.883.457
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		34.576.883.457	34.576.883.457
Lợi nhuận chưa phân phối	417		563.819.241.655	585.936.219.756
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		547.865.425.847	601.972.312.817
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		15.953.815.808	(16.036.093.061)
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>4.092.748.134.318</b>	<b>4.027.461.984.784</b>

Nguyễn Minh Tiến  
Người lập biểu

Phí Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

Trần Thị Cẩm Hạnh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
			VND	VND
<b>TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
Nợ khó đòi đã xử lý	004		56.595.406.780	56.595.406.780
Ngoại tệ các loại	005		153,97	160,57
Cổ phiếu đang lưu hành	006		263.900.000	263.900.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	23	20.223.230.000	20.475.280.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		-	2.580.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	24	1.530.099.440.000	1.617.700.530.000
Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		29.020.000	-
<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	25	4.423.396.910.000	4.964.500.220.000
<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1		3.830.266.840.000	4.278.486.580.000
<i>Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	021.2		65.793.090.000	62.634.310.000
<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	021.3		480.570.130.000	580.396.320.000
<i>Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	021.4		21.881.670.000	21.881.670.000
<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	021.5		24.885.180.000	21.101.340.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	26	27.172.880.000	28.256.880.000
<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1		27.157.880.000	28.241.880.000
<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	022.2		15.000.000	15.000.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	27	21.529.230.000	20.351.250.000
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	28	3.214.850.000	53.806.970.000
Tiền gửi của khách hàng	026	29	335.950.208.122	267.792.856.114
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		334.835.691.021	232.488.057.241
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		1.114.517.101	35.304.798.873
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	029.1		668.934.173	28.304.190.006
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	029.2		445.582.928	7.000.608.867
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	30	335.950.208.122	267.792.856.114

Nguyễn Minh Tiến  
Người lập biểu

Phí Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng



Trần Thị Cẩm Hạnh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2024


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
<b>Doanh thu hoạt động</b>				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		74.798.289.188	55.165.634.355
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1	31	1.433.937.467	798.549.578
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.2	32	30.595.524.390	4.026.506.222
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3	33	42.768.827.331	50.340.578.555
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	33	14.741.819.281	21.802.724.925
Doanh thu môi giới chứng khoán	06		17.976.113.596	27.629.862.139
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		4.646.213.032	27.486.633.842
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		459.090.908	2.048.863.630
Thu nhập hoạt động khác	11		1.999.685	175.832.800
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>112.623.525.690</b>	<b>134.309.551.691</b>
<b>Chi phí hoạt động</b>				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		(8.010.631.545)	1.683.373.954
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	21.1	31	899.842.332	6.382.105.975
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	21.2	32	(8.910.473.877)	(4.698.732.021)
<i>Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.3		-	-
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		(260.223.140)	2.352.565.762
Chi phí hoạt động tự doanh	26		3.376.756	272.687.673
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	34	47.637.435.868	68.132.157.808
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	34	808.715.274	1.720.120.924
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	34	1.730.129.510	2.296.664.767
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>41.908.802.723</b>	<b>76.457.570.888</b>
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong năm	42	35	860.203.340	6.507.865.940
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>		<b>860.203.340</b>	<b>6.507.865.940</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>61</b>	<b>36</b>	<b>5.238.698.547</b>	<b>24.727.238.269</b>
<b>Chi phí quản lý công ty chứng khoán</b>	<b>62</b>	<b>37</b>	<b>77.287.233.433</b>	<b>376.939.065.016</b>
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>70</b>		<b>(10.951.005.673)</b>	<b>(337.306.456.542)</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**  
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
<b>Thu nhập khác và chi phí khác</b>				
Thu nhập khác	71		153.459.822	653.856.195
Chi phí khác	72		304.554.821	1.241.990.103
<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>80</b>		<b>(151.094.999)</b>	<b>(588.133.908)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>90</b>		<b>(11.102.100.672)</b>	<b>(337.894.590.450)</b>
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(50.608.098.939)	(346.619.828.693)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		39.505.998.267	8.725.238.243
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>100</b>		<b>11.014.877.429</b>	<b>(1.649.194.081)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	38	3.498.788.031	4.493.705.097
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	39	7.516.089.398	(6.142.899.178)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>200</b>		<b>(22.116.978.101)</b>	<b>(336.245.396.369)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	40	(84)	(1.274)
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502		(84)	(1.274)

  
Nguyễn Minh Tiến  
Người lập biểu

  
Phí Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

  
Trần Thị Cẩm Hạnh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		(11.102.100.672)	(337.894.590.450)
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>	02		7.787.768.959	(24.903.812.140)
- Khấu hao TSCĐ	03		8.047.992.099	8.602.256.384
- Các khoản dự phòng	04		(260.223.140)	(33.506.068.524)
<b>Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>	10		(8.910.473.877)	(4.698.732.021)
- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		(8.910.473.877)	(4.698.732.021)
<b>Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>	18		(30.595.524.390)	(4.026.506.222)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(30.595.524.390)	(4.026.506.222)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	30		60.724.666.327	295.237.932.808
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		84.956.561.994	(1.533.432.087)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(98.678.434.187)	133.958.672.479
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		4.941.000	71.574.800
(-) Tăng, (+) giảm các phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		54.577.084	99.004.576
(+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	39		(322.425.126)	92.278.055
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		123.064.735	(1.458.405.715)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(1.492.074.357)	(3.245.395.766)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(3.676.799.820)	(111.313.391)
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		(510.751.106)	(86.018.003.438)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(807.879.078)	(2.197.011.762)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		623.956.114	(397.750.650)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		8.747.005.077	(13.283.595.652)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(5.935.702.844)	(11.811.532.058)
- Tăng (giảm) phải trả về lỗi giao dịch các TSTC	49			
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		75.763.696.400	319.418.118.217
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		3.430.915.441	1.529.274.200
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(1.555.985.000)	(39.874.549.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	60		17.904.336.347	(76.285.708.025)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(216.324.000)	(45.980.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		85.681.818	636.363.636
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>		<b>(130.642.182)</b>	<b>590.383.636</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	(40.493.000.000)
Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		-	(40.493.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>		<b>-</b>	<b>(40.493.000.000)</b>
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		17.773.694.165	(116.188.324.389)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101		1.940.920.298.451	1.967.307.298.084
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	5	1.958.693.992.616	1.851.118.973.695

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2024

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		4.700.731.872.340	6.737.405.091.520
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(3.583.096.016.520)	(5.641.640.453.190)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		4.444.097.481.957	8.816.913.047.152
Tiền gửi ký quỹ của NĐT tại VSD	07.1		-	-
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(5.491.825.086.509)	(10.085.908.332.265)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(1.750.899.260)	(1.951.053.888)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		3.320.236.499.149	2.222.245.801.686
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(3.320.236.499.149)	(2.222.245.801.686)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		<b>68.157.352.008</b>	<b>(175.181.700.671)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>				
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	30		267.792.856.114	458.200.918.730
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kì hạn	31		267.792.856.114	458.200.918.730
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kì hạn	32		232.488.057.241	458.071.694.871
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		35.304.798.873	129.223.859
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng</b>	<b>40</b>		<b>335.950.208.122</b>	<b>283.019.218.059</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41			
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kỳ hạn	42		334.835.691.021	282.779.490.736
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		1.114.517.101	239.727.323

Nguyễn Minh Tiến  
Người lập biểu

Phí Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

Trần Thị Cẩm Hạnh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Tại 01/01/2023	Tại 01/01/2024	Kỳ trước		Kỳ này		Tại 30/06/2023	Tại 30/06/2024
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000	-	-	-	-	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000	-	-	-	-	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	25.576.883.457	25.576.883.457	-	-	-	-	25.576.883.457	25.576.883.457
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	34.576.883.457	34.576.883.457	-	-	-	-	34.576.883.457	34.576.883.457
Lợi nhuận chưa phân phối	983.857.311.862	585.936.219.756	14.868.137.421	351.113.533.790	31.989.908.869	54.106.886.970	647.611.915.493	563.819.241.655
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1.017.116.581.485	601.972.312.817	-	351.113.533.790	-	54.106.886.970	666.003.047.695	547.865.425.847
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(33.259.269.623)	(16.036.093.061)	14.868.137.421	-	31.989.908.869	-	(18.391.132.202)	15.953.815.808
<b>Cộng</b>	<b>3.683.011.078.776</b>	<b>3.285.089.986.670</b>	<b>14.868.137.421</b>	<b>351.113.533.790</b>	<b>31.989.908.869</b>	<b>54.106.886.970</b>	<b>3.346.765.682.407</b>	<b>3.262.973.008.569</b>

Nguyễn Minh Tiến  
Người lập biểu

Phí Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

Trần Thị Cẩm Hạnh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102117529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 12/04/2024. Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006, và các Giấy phép điều chỉnh do ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 2.639.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 233 người (tại ngày 01/01/2024 là 264 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 17 Tòa nhà VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 30/06/2024, Công ty có các Chi nhánh tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tân Việt	Tầng 17 Tòa nhà VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Ngọc Khánh (*)	Tầng 9, số 01 Phạm Huy Thông, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Hải Phòng	Tầng 1 tòa nhà Akashi, số 10 Lê Hồng Phong, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Đà Nẵng	115 Lê Lợi, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Quy Nhơn (**)	Số 84 Diên Hồng, phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3-4-5, 66 Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

(\*): Đóng cửa năm 2024 theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐQT ngày 11/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty. Tại Quyết định số 145/QĐ-UBCK ngày 05/02/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đóng cửa Chi nhánh Ngọc Khánh của TVSI.

(\*\*): Đóng cửa năm 2024 theo Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐQT ngày 02/05/2024 của Hội đồng quản trị Công ty. Tại Quyết định số 669/QĐ-UBCK ngày 18/06/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đóng cửa Chi nhánh Quy Nhơn của TVSI

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

**Hoạt động chính**

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 47/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, Công ty đã rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phái sinh. Ngày 30 tháng 12 năm 2021, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 9073/UBCK - QLKD chấp thuận phương án rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phái sinh; UBCKNN đề nghị Công ty thực hiện phương án đã đề xuất và báo cáo UBCKNN để hoàn tất thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

#### Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
  - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
  - g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

**Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Thực hiện kế toán Công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

**Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD**

Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD phản ánh các khoản tiền đặt cọc của nhà đầu tư cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán phái sinh. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp)**

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá gốc.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

**Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

**Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp**

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp (tiếp)**

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các Công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

**Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Dự phòng rủi ro kinh doanh trái phiếu**

Trong quá trình kinh doanh trái phiếu, nếu xảy ra sự kiện vi phạm cam kết của Công ty đối với khách hàng, Công ty sẽ căn cứ vào cam kết tại các hợp đồng liên quan và tình hình thực tế trong quá khứ giải quyết các tranh chấp để tính toán giá trị rủi ro cần lập dự phòng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty đang bị phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng dẫn đến việc không thực hiện được các Hợp đồng mua trái phiếu đến hạn, cũng như bị gián đoạn quá trình kinh doanh. Công ty cho rằng đây là một trong những sự kiện bất khả kháng đã được quy định trong hợp đồng mua bán Trái phiếu. Đồng thời để giải quyết các tranh chấp (nếu có) đối với các nhà đầu tư có thể sẽ kéo dài Công ty chỉ trích lập dự phòng ở mức độ 75% giá trị tối đa mức phạt vi phạm hợp đồng đã ký kết. Trường hợp tranh chấp được giải quyết bởi các cơ quan có thẩm quyền, Công ty sẽ ghi nhận tổn thất theo giá trị thực tế phát sinh.

Thực tế, trong thời gian qua Công ty đã thực hiện đàm phán và xử lý với các nhà đầu tư về xử lý các tranh chấp tương tự với tổng mệnh giá các trái phiếu khoảng 19.000 tỷ đồng mà không phát sinh chi phí phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường. Do đó, Công ty cho rằng việc trích lập dự phòng nêu trên đã xem xét đến tính thận trọng trong quá trình lập Báo cáo tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc, thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 05 năm.

**Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán**

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

**Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh**

Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh được quy định tại Thông tư số 58/2021/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh do Bộ Tài chính ban hành, theo đó:

Quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp của thành viên bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán được Trung tâm Lưu ký chứng khoán chấp thuận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán. Tỷ lệ đóng góp vào quỹ bù trừ bằng tiền thực hiện theo quy chế của Trung tâm Lưu ký chứng khoán sau khi được ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

**Các khoản vay và phát hành trái phiếu**

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trước khi phát sinh.

**Doanh thu**

• **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

• **Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

• **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

• **Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

• **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:**

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

**Thu nhập hoạt động khác:**

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành và doanh thu khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Là Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

**Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Toàn bộ các thông tin với bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.953.055.462.940	1.939.869.388.153
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	5.638.529.676	1.050.910.298
<b>Cộng</b>	<b>1.958.693.992.616</b>	<b>1.940.920.298.451</b>

Từ năm 2022, số dư tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng không giao dịch được. Tại ngày 30/06/2024, số dư tiền gửi của Công ty tại SCB là khoản 1.625 tỷ đồng bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán khoảng 889 tỷ đồng và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng khoản 736 tỷ đồng. Công ty đã gửi các Công văn đến các Cơ quan chức năng liên quan phê duyệt các lệnh chuyển tiền từ các tài khoản của Công ty mở tại SCB sang các tài khoản khác để giao dịch chứng khoán. Tuy nhiên, Công ty chưa nhận được phản hồi từ phía các cơ quan chức năng liên quan đến nội dung này.

**6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ**

Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Khối lượng giao dịch	Giá trị khối lượng giao
	thực hiện trong kỳ	dịch thực hiện trong kỳ
	CP	VND
<b>Của Công ty chứng khoán</b>	<b>2.184.021</b>	<b>169.569.942.667</b>
- Cổ phiếu	809.370	30.657.230.000
- Trái phiếu	1.374.651	138.912.712.667
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>490.981.531</b>	<b>13.046.867.456.082</b>
- Cổ phiếu	464.757.597	10.489.322.570.920
- Trái phiếu	26.223.934	2.557.544.885.162
<b>Cộng</b>	<b>493.165.552</b>	<b>13.216.437.398.749</b>

Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Khối lượng giao dịch	Giá trị khối lượng giao
	thực hiện trong kỳ	dịch thực hiện trong kỳ
	CP	VND
<b>Của Công ty chứng khoán</b>	<b>6.606.610</b>	<b>430.537.288.022</b>
- Cổ phiếu	2.814.025	43.460.953.674
- Trái phiếu	3.792.585	387.076.334.348
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>994.065.982</b>	<b>15.026.958.149.568</b>
- Cổ phiếu	990.448.225	14.654.962.715.220
- Trái phiếu	3.617.757	371.995.434.348
<b>Cộng</b>	<b>1.000.672.592</b>	<b>15.457.495.437.590</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)**

**Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Chi tiêu	Tại 30/06/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản FVTPL</b>				
Cổ phiếu	175.760.483.155	221.303.365.428	172.468.098.574	178.504.982.580
+ Cổ phiếu niêm yết	67.713.419.059	123.161.980.824	62.714.314.478	87.373.120.574
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	108.047.064.096	98.141.384.604	109.753.784.096	91.131.862.006
Trái phiếu	1.551.118.652.930	1.532.966.052.930	1.639.367.599.505	1.621.214.999.505
+ Trái phiếu chưa niêm yết (*)	1.551.118.652.930	1.532.966.052.930	1.639.367.599.505	1.621.214.999.505
Chứng chỉ tiền gửi (**)	29.371.785.841	29.371.785.841	29.371.785.841	29.371.785.841
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.756.250.921.926</b>	<b>1.783.641.204.199</b>	<b>1.841.207.483.920</b>	<b>1.829.091.767.926</b>

(\*) Đến thời điểm lập báo cáo này trong số trái phiếu Công ty nắm giữ bao gồm các khoản trái phiếu quá hạn thanh toán lãi với giá trị gốc trái phiếu khoảng 958,5 tỷ đồng. Các trái phiếu này đều có tài sản đảm bảo và Công ty đánh giá vẫn có khả năng thu hồi nên chưa trích lập dự phòng đối với các trái phiếu này.

(\*\*) Khoản chứng chỉ tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) không giao dịch được (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 5).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**

Tầng 17 Tòa nhà VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL) (TIẾP)****Bảng tình hình biến động giá thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính (FVTPL)**

Chi tiêu	Tại 30/06/2024				Tại 01/01/2024					
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá năm nay		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá năm trước		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản FVTPL</b>										
+ Cổ phiếu	175.760.483.155	221.303.365.428	61.780.262.107	16.237.379.834	221.303.365.428	172.468.098.574	178.504.982.580	31.184.737.717	25.147.853.711	178.504.982.580
+ Chứng chỉ tiền gửi	29.371.785.841	29.371.785.841	-	-	29.371.785.841	29.371.785.841	29.371.785.841	-	-	29.371.785.841
+ Trái phiếu chưa niêm yết	1.551.118.652.930	1.532.966.052.930	-	18.152.600.000	1.532.966.052.930	1.639.367.599.505	1.621.214.999.505	-	18.152.600.000	1.621.214.999.505
+ Quỹ đại chúng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.756.250.921.926</b>	<b>1.783.641.204.199</b>	<b>61.780.262.107</b>	<b>34.389.979.834</b>	<b>1.783.641.204.199</b>	<b>1.841.207.483.920</b>	<b>1.829.091.767.926</b>	<b>31.184.737.717</b>	<b>43.300.453.711</b>	<b>1.829.091.767.926</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. CÁC KHOẢN CHO VAY**

Chi tiêu	Tại 30/06/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản cho vay và phải thu</b>				
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư (Margin) (i)	293.513.766.301	275.435.233.433	203.598.453.000	184.329.696.992
+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư (ii)	19.559.929.038	19.559.929.038	10.796.808.152	10.796.808.152
+ Cho vay quyền mua chứng khoán	4.117	4.117	4.117	4.117
<b>Cộng</b>	<b>313.073.699.456</b>	<b>294.995.166.588</b>	<b>214.395.265.269</b>	<b>195.126.509.261</b>

Dự phòng suy giảm các khoản cho vay hoạt động margin tại ngày 30/06/2024 là 18.078.532.868 VND (tại ngày 01/01/2024 là 19.268.756.008 VND).

(i): *Hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư:*

Đây là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25/01/2017. Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty tính làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 30/06/2024 là 910.857.119.296 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 674.817.249.466 đồng).

(ii): *Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán:*

Đây là số tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày giao dịch (“ứng tiền ngày T”) và ngày T+1, hoặc theo quy định tại phụ lục hợp đồng trái phiếu. Các khoản ứng trước này sẽ được hoàn trả vào ngày T+2 và thực hiện theo điều khoản của hợp đồng.

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</b>	<b>53.280.000</b>	<b>58.221.000</b>
Dự thu cổ tức - Cổ phiếu phổ thông	53.280.000	58.221.000
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>1.831.523.941</b>	<b>1.893.854.830</b>
Trả trước cho người bán khác	1.831.523.941	1.893.854.830
<i>Trong đó, phải thu khó đòi</i>	<i>929.620.330</i>	<i>929.620.330</i>
<b>Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp</b>	<b>3.343.560.906</b>	<b>3.398.137.990</b>
Phải thu hoạt động đại lý phát hành chứng khoán	3.100.000.000	3.100.000.000
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	152.298.134	82.375.218
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp	91.262.772	215.762.772
<i>Trong đó, phải thu khó đòi</i>	<i>3.191.262.772</i>	<i>3.191.262.772</i>
<b>Phải thu khác</b>	<b>31.667.737.398</b>	<b>31.345.312.272</b>
Ông Nguyễn Minh Dương	31.311.725.445	31.311.725.445
- Các khoản phải thu khác	356.011.953	33.586.827
<i>Trong đó, nợ phải thu khó đòi</i>	<i>31.314.494.168</i>	<i>31.314.494.168</i>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024			
		Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
		VND	VND	VND	VND
<b>1. Dự phòng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp</b>	<b>3.191.262.772</b>	<b>930.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.191.262.772</b>	<b>2.261.262.772</b>
Công ty CP Du lịch và Đầu tư Xây dựng Châu Á	3.100.000.000	930.000.000	-	3.100.000.000	2.170.000.000
Công ty CP Khanhcasa Concep	55.000.000	-	-	55.000.000	55.000.000
Các đối tượng khác	36.262.772	-	-	36.262.772	36.262.772
<b>2. Dự phòng các khoản ứng trước cho người bán</b>	<b>929.620.330</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>929.620.330</b>	<b>929.620.330</b>
Công ty TNHH Freewill Solutions Việt Nam	885.064.050	-	-	885.064.050	885.064.050
Công ty TNHH Quảng Cáo Đức Hùng	34.160.280	-	-	34.160.280	34.160.280
Golden Phoenix Media JSC	5.000.000	-	-	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Minh Minh	5.396.000	-	-	5.396.000	5.396.000
<b>3. Dự phòng các khoản phải thu khác</b>	<b>31.314.494.168</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.314.494.168</b>	<b>31.314.494.168</b>
Ông Nguyễn Minh Dương	31.311.725.445	-	-	31.311.725.445	31.311.725.445
Đối tượng khác	2.768.723	-	-	2.768.723	2.768.723
<b>Cộng</b>	<b>35.435.377.270</b>	<b>930.000.000</b>	<b>-</b>	<b>35.435.377.270</b>	<b>34.505.377.270</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>7.383.742.869</b>	<b>3.927.733.086</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	77.633.268	70.424.192
Chi phí trả trước tiền thuê nhà	1.603.828.156	494.494.133
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.702.281.445	3.362.814.761
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>361.140.827</b>	<b>140.350.790</b>
Chi phí trả trước dài hạn khác	361.140.827	140.350.790
<b>Cộng</b>	<b>7.744.883.696</b>	<b>4.068.083.876</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/01/2024	27.998.146.912	27.998.146.912
Tại 30/06/2024	27.998.146.912	27.998.146.912
<b>HAO MÒN LUYỄN KẾ</b>		
Tại 01/01/2024	22.649.423.817	22.649.423.817
Khấu hao trong kỳ	1.779.355.252	1.779.355.252
Tại 30/06/2024	24.428.779.069	24.428.779.069
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2024	5.348.723.095	5.348.723.095
Tại 30/06/2024	3.569.367.843	3.569.367.843

Tại ngày 30/06/2024, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 17.449.702.649 VND.

**13. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	124.489.244	124.489.244
Tiền nộp bổ sung	13.798.702.399	13.798.702.399
Tiền lãi phân bổ hàng kỳ	6.076.808.357	7.973.485.543
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>21.896.677.186</b>

**14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
<b>Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh</b>		
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	96.662.768	86.542.157
<b>Cộng</b>	<b>10.096.662.768</b>	<b>10.086.542.157</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Tại 30/06/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các đối tượng khác	197.933.768	197.933.768	260.602.170	260.602.170
	197.933.768	197.933.768	260.602.170	260.602.170



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2024	52.619.847.277	1.815.342.400	138.639.404	44.677.500	54.618.506.581
Mua trong kỳ	216.324.000	-	-	-	216.324.000
Thanh lý, nhượng bán	(583.703.490)	-	(45.500.000)	-	(629.203.490)
<b>Tại 30/06/2024</b>	<b>52.252.467.787</b>	<b>1.815.342.400</b>	<b>93.139.404</b>	<b>44.677.500</b>	<b>54.205.627.091</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2024	37.830.948.175	1.438.626.459	98.194.964	44.677.500	39.412.447.098
Khấu hao trong kỳ	6.121.759.342	138.030.282	8.847.223	-	6.268.636.847
Thanh lý, nhượng bán	(443.464.506)	-	(26.541.669)	-	(470.006.175)
<b>Tại 30/06/2024</b>	<b>43.509.243.011</b>	<b>1.576.656.741</b>	<b>80.500.518</b>	<b>44.677.500</b>	<b>45.211.077.770</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2024	14.788.899.102	376.715.941	40.444.440	-	15.206.059.483
Tại 30/06/2024	8.743.224.776	238.685.659	12.638.886	-	8.994.549.321

Tại ngày 30/06/2024, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 16.360.099.504 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	398.577.085	273.710.267
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VS)	128.773.032	998.850.526
Phải trả giao dịch mua chứng khoán	33.028.276.673	33.028.276.673
<b>Cộng</b>	<b>33.555.626.790</b>	<b>34.300.837.466</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	38.126.789	58.527.246	92.565.942	4.088.093
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	505.869.506	3.498.788.031	510.751.106	3.493.906.431
- Thuế thu nhập cá nhân	5.222.720.053	73.286.654.529	64.505.610.756	14.003.763.826
- Các loại thuế khác	-	3.166.666	3.166.666	-
<b>Cộng</b>	<b>5.766.716.348</b>	<b>76.847.136.472</b>	<b>65.112.094.470</b>	<b>17.501.758.350</b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Hoa hồng hợp tác phải trả SCB	14.693.833.732	14.693.833.732
Chi phí phải trả khác	46.409.406	1.538.483.763
<b>Cộng</b>	<b>14.740.243.138</b>	<b>16.232.317.495</b>

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	11.629.067.066	3.869.644.340
Dự phòng phải trả các hợp đồng trái phiếu	710.998.047.900	642.515.620.000
Phải trả khác	2.787.955.629	3.348.609.855
<b>Cộng</b>	<b>725.415.070.595</b>	<b>649.733.874.195</b>

**21. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	11.436.466.465	3.920.377.067
<b>Cộng</b>	<b>11.436.466.465</b>	<b>3.920.377.067</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng biến động vốn Chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2023	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	983.857.311.862	3.683.011.078.776
- Lỗ trong năm	-	-	-	(397.921.092.106)	(397.921.092.106)
31/12/2023	<u>2.639.000.000.000</u>	<u>25.576.883.457</u>	<u>34.576.883.457</u>	<u>585.936.219.756</u>	<u>3.285.089.986.670</u>
01/01/2024	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	585.936.219.756	3.285.089.986.670
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	(22.116.978.101)	(22.116.978.101)
30/06/2024	<u>2.639.000.000.000</u>	<u>25.576.883.457</u>	<u>34.576.883.457</u>	<u>563.819.241.655</u>	<u>3.262.973.008.569</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

*Chi tiết về vốn chủ sở hữu*

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Công ty CP Future Horizon	252.125.000.000	252.125.000.000
Công ty CP Lumiform	251.910.000.000	251.910.000.000
Công ty CP Minerva	251.700.000.000	251.700.000.000
Công ty CP Minerva Heritage	251.100.000.000	251.100.000.000
Ông Hồ Vĩnh Ni	250.879.110.000	250.879.110.000
Bà Lâm Thị Hoà	250.750.000.000	250.750.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Hạnh	249.045.910.000	249.045.910.000
Bà Lâm Thị Thanh Tâm	245.932.390.000	245.932.390.000
Bà Phan Thị Thanh Lan	222.220.890.000	222.220.890.000
Các cổ đông khác	413.336.700.000	413.336.700.000
	<b>2.639.000.000.000</b>	<b>2.639.000.000.000</b>

**Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:**

	Tại 30/06/2024 Cổ phiếu	Tại 01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	263.900.000	263.900.000
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>263.900.000</b>	<b>263.900.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>263.900.000</b>	<b>263.900.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	20.223.230.000	20.475.280.000
<b>Cộng</b>	<b>20.223.230.000</b>	<b>20.475.280.000</b>

**24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	1.530.099.440.000	1.617.700.530.000
<b>Cộng</b>	<b>1.530.099.440.000</b>	<b>1.617.700.530.000</b>

**25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.830.266.840.000	4.278.486.580.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	65.793.090.000	62.634.310.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	480.570.130.000	580.396.320.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	21.881.670.000	21.881.670.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	24.885.180.000	21.101.340.000
<b>Cộng</b>	<b>4.423.396.910.000</b>	<b>4.964.500.220.000</b>

**26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	27.157.880.000	28.241.880.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	15.000.000	15.000.000
<b>Cộng</b>	<b>27.172.880.000</b>	<b>28.256.880.000</b>

**27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	21.529.230.000	20.351.250.000
<b>Cộng</b>	<b>21.529.230.000</b>	<b>20.351.250.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	3.214.850.000	53.806.970.000
<b>Cộng</b>	<b>3.214.850.000</b>	<b>53.806.970.000</b>

**29. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	334.835.691.021	232.488.057.241
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.114.517.101	35.304.798.873
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	668.934.173	28.304.190.006
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	445.582.928	7.000.608.867
<b>Cộng</b>	<b>335.950.208.122</b>	<b>267.792.856.114</b>

**30. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ**

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	335.950.208.122	267.792.856.114
<b>Cộng</b>	<b>335.950.208.122</b>	<b>267.792.856.114</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. LÃI (LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng	Tổng giá trị	Giá vốn bình quân	Lãi/(lỗ) bán chứng	Lãi/(lỗ) bán chứng
		bán	bán	gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	khoản kỳ này	khoản kỳ trước
		CK	VND	VND	VND	VND
<b>I</b>	<b>Lãi bán</b>					
1	Cổ phiếu niêm yết	140.000	11.638.220.000	11.310.365.419	327.854.581	760.323.067
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	240.000	2.709.540.000	1.706.720.000	1.002.820.000	-
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
4	Trái phiếu chưa niêm yết	643.472	64.968.240.559	64.864.977.673	103.262.886	38.226.511
	<b>Cộng</b>	<b>1.023.472</b>	<b>79.316.000.559</b>	<b>77.882.063.092</b>	<b>1.433.937.467</b>	<b>798.549.578</b>
<b>II</b>	<b>Lỗ bán</b>					
1	Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	(631.098.821)
2	Giấy tờ có giá	-	-	-	-	(2.095.170.500)
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
4	Trái phiếu chưa niêm yết	481.879	48.214.299.339	49.114.141.671	(899.842.332)	(3.655.836.654)
	<b>Cộng</b>	<b>481.879</b>	<b>48.214.299.339</b>	<b>49.114.141.671</b>	<b>(899.842.332)</b>	<b>(6.382.105.975)</b>

Lãi/Lỗ đã thực hiện từ hoạt động tự doanh các tài sản tài chính FVTPL bao gồm 2 phần chính là:

Nội dung	Lợi nhuận	
	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Cổ tức, tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL (bao gồm cổ tức, trái tức và lãi chứng chỉ tiền gửi từ việc nắm giữ các tài sản tài chính này) (Chi tiết xem Thuyết minh số 35)	42.768.827.331	50.340.578.555
Lãi/lỗ thuần từ bán tài sản tài chính FVTPL	534.095.135	(5.583.556.397)
<b>Tổng Lãi/lỗ từ hoạt động tự doanh TSTC FVTPL</b>	<b>43.302.922.466</b>	<b>44.757.022.158</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***32. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng đánh	Chênh lệch giảm đánh
		kế toán	hoặc giá trị hợp lý	giá lại trong kỳ	giá lại trong kỳ
		VND	VND	VND	VND
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu</b>	<b>175.760.483.155</b>	<b>221.303.365.428</b>	<b>30.595.524.390</b>	<b>(8.910.473.877)</b>
1	Cổ phiếu niêm yết	67.713.419.059	123.161.980.824	28.864.204.390	(1.925.551.279)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	108.047.064.096	98.141.384.604	1.731.320.000	(6.984.922.598)
<b>II</b>	<b>Trái phiếu</b>	<b>1.551.118.652.930</b>	<b>1.532.966.052.930</b>	-	-
1	Trái phiếu chưa niêm yết	1.551.118.652.930	1.532.966.052.930	-	-
<b>III</b>	<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>29.371.785.841</b>	<b>29.371.785.841</b>	-	-
<b>IV</b>	<b>Chứng chỉ quỹ</b>	-	-	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>1.756.250.921.926</b>	<b>1.783.641.204.199</b>	<b>30.595.524.390</b>	<b>(8.910.473.877)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**33. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức cổ phiếu)	1.299.845.800	674.991.200
Từ tài sản tài chính FVTPL (tiền lãi trái phiếu)	41.468.981.531	49.665.587.355
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	14.741.819.281	21.802.724.925
<b>Cộng</b>	<b>57.510.646.612</b>	<b>72.143.303.480</b>

**34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	47.637.435.868	68.132.157.808
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	808.715.274	1.720.120.924
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.730.129.510	2.296.664.767
<b>Cộng</b>	<b>50.176.280.652</b>	<b>72.148.943.499</b>

**35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	860.203.340	6.507.865.940
<b>Cộng</b>	<b>860.203.340</b>	<b>6.507.865.940</b>

**36. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí bán hàng (*)	5.238.698.547	24.727.238.269
<b>Cộng</b>	<b>5.238.698.547</b>	<b>24.727.238.269</b>

(\*): Là các chi phí hoa hồng môi giới và chi phí phát triển thị trường.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**37. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	5.841.694.680	8.660.040.866
Hoàn nhập dự phòng tiền lương năm 2022	-	(34.126.068.524)
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	451.996.280	615.505.300
Chi phí vật tư văn phòng	32.879.212	151.064.352
Chi phí khấu hao TSCĐ	60.122.764	85.811.921
Chi phí thuế, phí và lệ phí	51.476.759	68.632.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.954.857.203	3.290.915.615
Dự phòng phải trả hợp đồng trái phiếu	68.482.427.900	397.812.332.000
Chi phí bằng tiền khác	411.778.635	380.831.240
<b>Cộng</b>	<b>77.287.233.433</b>	<b>376.939.065.016</b>

**38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(11.102.100.672)</b>	<b>(337.894.590.450)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN</b>	<b>28.596.040.829</b>	<b>360.363.115.934</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	68.581.912.907	398.756.745.742
<i>Thù lao HĐQT không chuyên trách</i>	72.000.000	72.000.000
<i>Chi phí dự phòng các hợp đồng mua lại trái phiếu</i>	68.482.427.900	397.812.332.000
<i>Chi phí không được trừ</i>	27.485.007	872.413.742
- Các khoản điều chỉnh giảm	(39.985.872.078)	(38.393.629.808)
<i>Lợi nhuận chưa thực hiện trước thuế</i>	(39.505.998.267)	(8.725.238.243)
<i>Cổ tức nhận được</i>	(1.299.845.800)	(674.991.200)
<i>Chi phí đã chịu thuế năm trước</i>	(1.105.579.290)	(34.216.567.249)
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	1.925.551.279	5.223.166.884
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>17.493.940.157</b>	<b>22.468.525.484</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	3.498.788.031	4.493.705.097
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.498.788.031</b>	<b>4.493.705.097</b>

**39. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ	7.516.089.398	(6.142.899.178)
<b>Cộng</b>	<b>7.516.089.398</b>	<b>(6.142.899.178)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**40. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>(22.116.978.101)</b>	<b>(336.245.396.369)</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	263.900.000	263.900.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(84)</b>	<b>(1.274)</b>

**41. CÁC CAM KẾT, KINH DOANH TRÁI PHIẾU**

Thuê hoạt động là các khoản thuê Văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ là 5.590.314.751 VND (kỳ trước là 7.452.069.575 VND).

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động thanh toán như sau:

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Trong vòng 1 năm	10.745.981.200	8.046.432.152
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	41.143.269.000	28.418.492.010
<b>Cộng</b>	<b>51.889.250.200</b>	<b>36.464.924.162</b>

Hoạt động mua lại Trái phiếu: Công ty có thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (“Trái phiếu”) từ các tổ chức phát hành và bán lại cho các nhà đầu tư. Sau đó, Công ty ký hợp đồng mua lại toàn bộ số Trái phiếu đó với nhà đầu tư theo một mức giá xác định vào một ngày xác định trong tương lai. Khi bán và mua lại Trái phiếu với nhà đầu tư, Công ty đang ghi nhận như hoạt động tự doanh. Tổng mệnh giá các Trái phiếu Công ty đã ký Hợp đồng mua lại đến ngày 30/06/2024 là trên 11,285 tỷ đồng (tại 01/01/2024 là khoảng trên 16.491 tỷ đồng); (trong đó số đã đến hạn thanh toán tại ngày 30/06/2024 mà chưa thanh toán được khoảng hơn 11.285 tỷ đồng, số đã đến hạn thanh toán tại ngày 01/01/2024 là 16.062 tỷ đồng). Đến thời điểm lập báo cáo này, tổng mệnh giá trái phiếu Công ty đã ký hợp đồng mua lại còn khoảng 11.033 tỷ đồng (trong đó số đã đến hạn thanh toán mà chưa thanh toán được khoảng 11.033 tỷ đồng). Tuy nhiên, hiện nay, Công ty không thực hiện được việc thanh toán cho Bên chuyển nhượng và gửi thông báo đến các Bên chuyển nhượng là sẽ không thực hiện giao dịch này, đồng thời đang thực hiện đàm phán lại với các Bên chuyển nhượng về việc hủy hợp đồng mua lại hoặc gia hạn thời gian mua lại Trái phiếu tương ứng với thời gian đáo hạn Trái phiếu của Tổ chức phát hành nhưng việc đàm phán này chưa có kết quả cụ thể. Công ty không ghi nhận các khoản trái phiếu nêu trên vào báo cáo tài chính này. Do đó các nhà đầu tư vẫn đang thực hiện các quyền sở hữu và định đoạt của trái chủ đối với số trái phiếu này.

**43. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong kỳ không tách riêng được. Do đó, Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**44. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các khoản lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong kỳ như sau:


	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.868.452.967	3.533.234.752
Thù lao Hội đồng Quản trị	204.000.000	252.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.072.452.967</b>	<b>3.785.234.752</b>

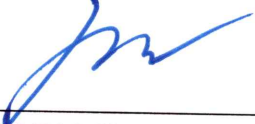
**45. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**



Công văn số 541/SGDVN-QLTV ngày 01/07/2024 của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam về xử lý hồ sơ tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ngừng giao dịch đối với Công ty trên hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 15/07/2024.

**46. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét.

  
Nguyễn Minh Tiến  
Người lập biểu

  
Phí Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

  
  
Trần Thị Cẩm Hạnh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024



Số: 1439 /2024/KTTC - TVSI

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

V/v: Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ  
bán niên năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Tuân thủ khoản 1 điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt (TVSI) xin giải trình nguyên nhân đưa ra ý kiến ngoại trừ của Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn UHY. Cụ thể:

Tại ngày 30/06/2024, TVSI đã thực hiện trích lập dự phòng cho việc vi phạm hợp đồng mua lại Trái phiếu đến hạn nhưng không thực hiện được khoảng 710,99 tỷ đồng (số đã trích lập tại 01/01/2024 khoảng 642,5 tỷ đồng) giá trị tối đa nghĩa vụ hợp đồng vi phạm là khoảng 902,8 tỷ trên tổng giá trị các hợp đồng mua lại là 11.285 tỷ đồng vì cho rằng: Việc vi phạm của TVSI là do bất khả kháng đã được quy định trong hợp đồng nên trong quá trình giải quyết tranh chấp TVSI có thể thương lượng để không bị phạt vi phạm ở mức tối đa và sẽ chỉ bồi thường khi có phán quyết của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, TVSI chưa phải chi trả chi phí nào liên quan đến việc vi phạm các hợp đồng mua lại trái phiếu, cho thấy việc trích lập dự phòng nói trên là phù hợp và đảm bảo nguyên tắc thận trọng của kế toán.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của bản giải trình này.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, P.TCKT



**TRẦN THỊ CẨM HẠNH**



CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**  
Trụ sở chính: Tầng 17 Tòa nhà VCCI Tower, số 9 Đào Duy  
Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.  
ĐT: 024-3728.0921 - Fax: 024-3728.0920  
Website: www.tvsi.com.vn

Số: 1440/2024/KTTC - TVSI

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau  
thuế bán niên 2024 trước và sau khi kiểm  
toán

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Tuân thủ điểm c khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt xin giải trình nguyên nhân chênh lệch trước và sau kiểm toán đối với Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 đã soát xét từ 5% trở lên. Cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Bán niên 2024 (Sau kiểm toán)	Bán niên 2024 (trước kiểm toán)	Chênh lệch	Biến động (%)
Doanh Thu	113.637	113.637	0	Không
Chi phí hoạt động kinh doanh	124.739	90.882	33.857	37,25%
Lợi nhuận trước thuế	-11.102	22.755	-33.857	-148,79%
Thuế TNDN	11.015	11.015	0	Không
Lợi nhuận sau thuế	-22.117	11.740	-33.857	-288,39%

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế bán niên năm 2024 sau khi kiểm toán giảm 288,79% (-33,857 tỷ đồng) so với trước khi kiểm toán soát xét. Nguyên nhân chênh lệch là do Công ty đã hạch toán bổ sung dự phòng chi phí phải trả khác với tổng số tiền là 33,857 tỷ đồng.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của bản giải trình này.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, P.TCKT



**TRẦN THỊ CẨM HẠNH**



Số: 1441/2024/KTTC - TVSI

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

(V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế  
Bán niên năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023)

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần chứng khoán Tân Việt xin giải trình về sự biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động bán niên năm 2024 thay đổi hơn 10% so với cùng kỳ năm trước:

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	6 tháng/2024	6 tháng/2023	Chênh lệch	Biến động (%)
Doanh Thu	113.637	141.471	-27.834	-19,67%
Chi phí hoạt động kinh doanh	124.739	479.366	-354.627	-73,98%
Lợi nhuận trước thuế	-11.102	-337.895	326.792	96,71%
Thuế TNDN	11.015	-1.649	12.664	767,89%
Lợi nhuận sau thuế	-22.117	-336.245	314.128	93,42%

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế bán niên năm 2024 tăng 93,42% (314,128 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2023 là do: chi phí 6 tháng đầu năm 2024 giảm 73,98% (-354,672 tỷ đồng) so với cùng kỳ, tổng doanh thu và thu nhập khác giảm 19,67% (-27,834 tỷ đồng), thuế TNDN tăng 767,89% (12,664 tỷ).

- Trong tổng chi phí có mức biến động giảm chủ yếu là do: Lỗi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) giảm 575,87% (-9,7 tỷ đồng), chi phí hoạt động tự doanh giảm 98,76% (-0,27 tỷ đồng), chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán giảm 30,08% (-20,5 tỷ đồng), chi phí bán hàng giảm 78,81% (-19,5 tỷ đồng), chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 79,5% (-299,6 tỷ đồng).

- Các khoản doanh thu và thu nhập khác biến động tương ứng như sau: lãi từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) tăng 35,59% (19,6 tỷ đồng), doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán giảm 34,94% (-9,7 tỷ đồng), doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán giảm 83,1% (-22,84 tỷ đồng), doanh thu lãi từ các khoản cho vay và phải thu giảm 32,39% (-7,1 tỷ đồng).

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của bản giải trình này.

*Trân trọng!*

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, P.TCKT

  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TRẦN THỊ CẨM HẠNH**